

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2010/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 24 tháng 02 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại
của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an Hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC theo quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Quảng Trị”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố, các huyện, thị xã; các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường

QUY CHẾ
VỀ VIỆC XÉT, CHO PHÉP SỬ DỤNG THẺ ĐI LẠI
CỦA DOANH NHÂN APEC THUỘC TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 02 năm 2010 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục trong việc xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (Sau đây viết tắt là thẻ ABTC) đối với doanh nhân thuộc các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và công chức, viên chức có nhu cầu sử dụng thẻ ABTC để tham gia các hoạt động kinh tế của APEC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh ra quyết định thành lập hoặc trực tiếp quản lý, bao gồm:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc các doanh nghiệp;

b) Kế toán trưởng hoặc Trưởng/Phó phòng các doanh nghiệp.

2. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp được thành lập và đăng ký trên địa bàn tỉnh theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã, bao gồm:

a) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc các doanh nghiệp; Kế toán trưởng hoặc người có chức danh Trưởng phòng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh;

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Phó Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn; Chủ tịch Ban Quản trị hợp tác xã, Chủ nhiệm hợp tác xã.

3. Công chức, viên chức các cơ quan chính quyền, bao gồm:

- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

- Công chức, viên chức các Sở, Ban, ngành có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế khác của APEC.

4. Các trường hợp khác:

Các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 của Điều này nhưng do yêu cầu cần thiết phải thực hiện cam kết thương mại với các nước và vùng lãnh thổ thành viên tham gia chương trình ABTC.

Điều 3. Điều kiện xét, cho phép sử dụng thẻ ABTC

1. Doanh nhân Việt Nam chỉ được cho phép sử dụng thẻ ABTC với các điều kiện sau:

a) Có hộ chiếu phổ thông còn giá trị do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

b) Có nhu cầu đi lại thường xuyên, ngắn hạn tới các nền kinh tế thành viên ABTC để ký kết, thực hiện các cam kết kinh doanh trong khu vực APEC;

c) Doanh nhân phải là người làm việc ở các doanh nghiệp có năng lực sản xuất, kinh doanh thực thụ hoặc phải có hạn ngạch xuất nhập khẩu sang các nền kinh tế thành viên, và phải là người đại diện cho doanh nghiệp đó khi thực hiện việc ký kết hoặc thực hiện cam kết kinh doanh, đầu tư, thương mại trong khối;

d) Không thuộc diện chưa được xuất cảnh theo quy định của pháp luật, bao gồm các trường hợp sau:

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có nghĩa vụ thi hành bản án hình sự hoặc đang bị cơ quan điều tra yêu cầu chưa cho xuất cảnh hoặc chưa cấp hộ chiếu để phục vụ công tác điều tra tội phạm;

- Người đang có nghĩa vụ thi hành bản án; chờ giải quyết các tranh chấp về dân sự, kinh tế, hành chính; chờ để thi hành quyết định xử phạt hành chính; đang có nghĩa vụ nộp thuế hoặc các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ các trường hợp có đặt tiền, đặt tài sản, bảo lãnh bằng tài sản hoặc có biện pháp bảo đảm khác để thực hiện nghĩa vụ đó;

- Người đã vi phạm quy chế xuất nhập cảnh bị xử phạt từ cảnh cáo hành chính trở lên thì chưa được xuất cảnh trong thời gian từ 01 đến 05 năm tính từ ngày bị xử lý vi phạm;

- Người bị nước ngoài trục xuất vì vi phạm pháp luật của nước sở tại, nếu hành vi đó là nghiêm trọng, có hại cho lợi ích và uy tín của Việt Nam;

- Người mà Bộ Y tế đề nghị chưa cho xuất cảnh vì lý do y tế;

- Các trường hợp khác vì lý do bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

2. Trình tự, thủ tục trong việc xét, cho phép sử dụng thẻ ABTC được áp dụng chung cho cả hai trường hợp để làm thủ tục xin cấp thẻ ABTC lần đầu và xin cấp lại thẻ ABTC.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT, CHO PHÉP SỬ DỤNG THẺ ABTC

Điều 4. Hồ sơ xin phép sử dụng thẻ ABTC

1. Đối với doanh nhân Việt Nam thuộc trường hợp nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Quy chế này có nhu cầu sử dụng thẻ ABTC cần lập bộ hồ sơ gồm:

a) 01 tờ khai đề nghị cấp thẻ ABTC (Theo mẫu do Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an ban hành) có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và xác nhận của người đứng đầu doanh nghiệp hoặc cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý doanh nhân;

b) Bản sao có chứng thực hộ chiếu phổ thông của doanh nhân xin cấp thẻ ABTC;

c) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập doanh nghiệp (Đối với doanh nghiệp nhà nước), hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh);

d) Bản sao có chứng thực Quyết định bổ nhiệm chức vụ hoặc văn bản chứng minh chức vụ, vị trí công tác của doanh nhân xin sử dụng thẻ ABTC;

đ) Tài liệu chứng minh năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khả năng hợp tác hoặc việc thực hiện hạn ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp với đối tác các nước hoặc vùng lãnh thổ thành viên thuộc APEC tham gia chương trình ABTC như các loại hợp đồng kinh tế hoặc dự án đầu tư hợp tác với các đối tác thuộc nền kinh tế thành viên tham gia ABTC (Nếu các văn bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo).

2. Đối với công chức, viên chức các cơ quan chính quyền nêu tại khoản 3, khoản 4, Điều 2 của Quy định này có nhu cầu sử dụng thẻ ABTC cần lập bộ hồ sơ gồm:

a) Tờ khai đề nghị xét, cho phép sử dụng thẻ ABTC, có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và xác nhận của thủ trưởng cơ quan;

b) Bản sao có chứng thực hộ chiếu của cá nhân xin cấp thẻ ABTC (Chỉ sử dụng hộ chiếu phổ thông, không sử dụng hộ chiếu công vụ);

c) Bản sao có chứng thực thư mời hoặc các văn bản, giấy tờ liên quan đến việc thực hiện cam kết thương mại với các nước và vùng lãnh thổ thành viên tham gia chương trình ABTC.

Điều 5. Quy trình xét duyệt

1. Tiếp nhận hồ sơ: Hồ sơ xin phép sử dụng thẻ ABTC gửi về Công an tỉnh Quảng Trị.

2. Xử lý, giải quyết hồ sơ:

a) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nhân Việt Nam xin phép sử dụng thẻ ABTC, Công an tỉnh gửi văn bản trao đổi ý kiến đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan, Ban Quản lý Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo (Đối với các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý) và các cơ quan liên quan (Nếu có);

- Đối với các đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 của Quy định này chỉ thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan chức năng (Nếu có yêu cầu);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hành công văn của Công an tỉnh Quảng Trị, các cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Công an tỉnh Quảng Trị. Nếu quá thời hạn trên, cơ quan nào không có văn bản trả lời thì xem như đồng ý;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời của các cơ quan chức năng, Công an tỉnh Quảng Trị có văn bản trình UBND tỉnh về việc cho phép sử dụng thẻ ABTC;

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc và hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh có văn bản cho phép hoặc không cho phép sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân, công chức, viên chức.

3. Thẩm quyền ký giải quyết hồ sơ: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh có thẩm quyền ký văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC.

4. Giao trả hồ sơ: Văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC của UBND tỉnh được gửi cho doanh nhân, công chức, viên chức và các đơn vị liên quan.

5. Sau khi nhận văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC của UBND tỉnh, doanh nhân, công chức, viên chức trực tiếp làm thủ tục với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an tại Hà Nội (Đơn vị cấp thẻ ABTC). Hồ sơ gửi Cục Quản lý Xuất nhập cảnh- Bộ Công an gồm:

a) 01 tờ khai đề nghị cấp thẻ ABTC (Theo mẫu do Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an ban hành) có xác nhận của người đứng đầu doanh nghiệp hoặc cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý doanh nhân;

b) 04 ảnh cỡ 3x4 cm, nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần (01 ảnh dán vào tờ khai có đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp hoặc cơ quan trực tiếp quản lý doanh nhân và 03 ảnh để rời);

c) Văn bản cho phép của UBND tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Chế độ thông tin báo cáo

1. Người đứng đầu doanh nghiệp hoặc cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý doanh nhân, công chức, viên chức phải có văn bản gửi Công an tỉnh Quảng Trị nếu doanh nhân, công chức, viên chức sử dụng thẻ thay đổi công tác và không thuộc diện đối tượng được cấp thẻ quy định tại Điều 2 Quy chế này.

2. Định kỳ 06 tháng, 01 năm, người đứng đầu doanh nghiệp hoặc cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý doanh nhân, công chức, viên chức được cấp thẻ ABTC phải có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, báo cáo về việc cấp thẻ (Kèm bản sao thẻ ABTC) và việc sử dụng thẻ ABTC gửi đến Công an tỉnh Quảng Trị để tổng hợp.

3. Công an tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo định kỳ lên UBND tỉnh việc doanh nhân, công chức, viên chức sử dụng thẻ ABTC.

Điều 7. Xử lý vi phạm

1. Người đứng đầu doanh nghiệp hoặc cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý doanh nhân, công chức, viên chức khi ký xét duyệt vào tờ khai đề nghị cấp thẻ ABTC của doanh nhân phải căn cứ vào chức năng, quyền hạn của mình và tiêu chuẩn quy định cho doanh nhân được phép sử dụng thẻ ABTC và phải chịu trách nhiệm về việc xác nhận của mình theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong việc lập, xét duyệt cho phép sử dụng thẻ ABTC, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành. UBND tỉnh xem xét thu hồi những thẻ ABTC đã cấp đối với trường hợp vi phạm, đồng thời tạm dừng việc xem xét cho doanh nhân khác có nhu cầu xin cấp thẻ ABTC thuộc doanh nghiệp, tổ chức vi phạm.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Công an tỉnh Quảng Trị là đơn vị chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh (Qua Công an tỉnh Quảng Trị) để xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Cường